TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẠC LIÊU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 68/2018/DS - PT
Ngày 24 – 7 – 2018
V/v tranh chấp thừa kế tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Thanh Dũng

Các Thẩm phán: Bà Cao Thị Túy Giang

Bà Châu Minh Nguyệt

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Kim Nhi - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Hồng Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 81/2017/TLPT-DS ngày 24 tháng 10 năm 2017 về tranh chấp thừa kế tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 27/2017/DS-ST ngày 8 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố BL, tỉnh Bạc Liêu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 70/2017/QĐ-PT ngày 01 tháng 11 năm 2017, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1937

Địa chỉ: Số 176/15 MO, Khóm A, Phường B, thành phố BL, tỉnh Bạc Liêu (vắng mặt).

- *Đồng bị đơn:* Bà Phạm Thị A, sinh năm 1964 (vắng mặt).

Bà Phạm Thị H, sinh năm 1968 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Số 176/15 MO, Khóm A, Phường B, thành phố BL, tỉnh Bạc Liêu.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

NLQ1, sinh năm 1958

Địa chỉ: Số 11/33 ND, Khóm B, Phường B, thành phố BL, tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

NLQ2, sinh năm 1957

Địa chỉ: Số 151/10B RO, Khóm C, Phường B, thành phố BL, tỉnh Bạc Liêu (vắng mặt).

NLQ3, sinh năm 1960

Địa chỉ: Số 151/10C RO, Khóm C, Phường B, thành phố BL, tỉnh Bạc Liêu (vắng mặt).

NLQ4, sinh năm 1965

Địa chỉ: Số D1-04 NT, Khóm A, Phường B, thành phố BL, tỉnh Bạc Liêu (vắng mặt).

NLQ5, sinh năm 1970

Địa chỉ: Số 193/16 MO, Khóm A, Phường B, thành phố BL, tỉnh Bạc Liêu (vắng mặt).

NLQ6, sinh năm 1972

Địa chỉ: Số 96B Hòa Bình, Khóm D, Phường E, thành phố BL, tỉnh Bạc Liêu (vắng mặt).

NLQ7 (N), sinh năm 1974

Địa chỉ: Số 99/48/16 MO, Khóm A, Phường B, thành phố BL, tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan NLQ7: Ông Dương Long Hưởng – Luật sư của Công ty Luật TNHH MTV MQ, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

NLQ8, sinh năm 1977

Địa chỉ: Đường TV, Khóm C, Phường B, thành phố BL, tỉnh Bạc Liêu (vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* NLQ7.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày: Bà và ông Phạm Văn H chung sống với nhau có 10 người con là NLQ1, NLQ2, NLQ3, bà Phạm Thị A, NLQ4, bà Phạm Thị H, NLQ5, NLQ6, NLQ7, NLQ8. Trong quá trình chung sống, bà và ông H có tạo lập được tài sản chung là căn nhà và đất tọa lạc tại số 176/15 MO, Khóm A, Phường B, thành phố BL, tỉnh Bạc Liêu; phần đất qua đo đạc thực tế có diện tích 195,20m^2. Nguồn gốc đất do bà và ông H nhận chuyển nhượng của người khác và một phần tự khai phá, sau đó cùng xây cất căn nhà cấp IV. Ngoài nhà và đất trên, bà và ông H không còn tài sản nào khác. Ông H chết năm 2011, không để lại di chúc, trước khi chết ông H chưa phân chia tài sản cho ai.

Ngày 22 tháng 10 năm 2014, bà có đưa cho NLQ8 số tiền 110.000.000 đồng để ra sống riêng, bà có làm giấy chia tài sản và NLQ8 ký tên vào, NLQ8 đồng ý sau khi nhận tiền thì không tranh chấp hay đòi quyền lợi gì trên phần tài sản của bà nữa. Nhà đất tại số 176/15 MO, Khóm A, Phường B, thành phố BL, tỉnh Bạc Liêu

chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà. Nay bà yêu cầu phân chia di sản thừa kế là tài sản nêu trên cụ thể bà yêu cầu được nhận 1/2 giá trị tài sản, 1/2 giá trị tài sản còn lại bà yêu cầu chia thành 11 phần bằng nhau và bà yêu cầu nhận tổng cộng 07 phần gồm 01 phần của bà và phần của NLQ2, NLQ3, NLQ5, NLQ6, bà A, bà H cho bà. Bà yêu cầu được nhận hiện vật và đồng ý chia cho NLQ1, NLQ4 và NLQ7 mỗi người 01 phần. Đối với NLQ8 đã nhận của bà số tiền 110.000.000 đồng trước đây thì bà yêu cầu tính ra giá trị 01 phần giá trị tài sản mà NLQ8 được hưởng sau đó khấu trừ vào số tiền 110.000.000 đồng đã nhận được từ bà. Sau khi khấu trừ còn dư bao nhiêu thì bà đồng ý cho NLQ8 hết.

Bị đơn bà Phạm Thị A và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan NLQ3 thống nhất trình bày: Ông bà thống nhất với ý kiến của bà Nguyễn Thị T, ông bà đồng ý phân chia di sản của ông H chết để lại theo quy định của pháp luật và nhượng lại kỷ phần thừa kế của ông bà cho bà T. Trong quá trình sử dụng nhà và đất này, ông bà có đóng góp tiền để xây cất nhà cũng như tiền sửa chữa nhà, nhưng ông bà không có yêu cầu và đồng ý để lại cho bà T.

Bị đơn bà Phạm Thị H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan NLQ6, NLQ5, NLQ2 trình bày: Ông bà thống nhất với ý kiến của bà T, đồng ý chia di sản thừa kế của Ông H chết để lại theo quy định pháp luật. Ông bà đồng ý nhượng lại kỷ phần thừa kế của ông bà cho bà T.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan NLQ1, NLQ7 thống nhất trình bày: Các ông không đồng ý chia thừa kế vì nhà và đất là dùng để làm phủ thờ họ P.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan NLQ4 trình bày: Trước đây ông có ký tên để khước từ tài sản thừa kế, nhưng nay ông xin rút lại yêu cầu và không đồng ý chia di sản thừa kế.

Tòa án cấp sơ thẩm đã tống đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo hòa giải và quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng NLQ8 không gửi bản trình bày ý kiến, không đến tham gia phiên hòa giải và phiên tòa, nên không có ý kiến trình bày của NLQ8.

Từ những nội dung trên, tại bản án dân sự sơ thẩm số: 27/2017/DS-ST ngày 08 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố BL, tỉnh Bạc Liêu đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 203 của Luật đất đai năm 2013; các Điều 219, 633, 645, 674, 675, 675 và Điều 685 của Bộ luật dân sự năm 2005; các Điều 623, 650, 651 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a và c khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 7 Điều 27 của Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27 tháng 02 năm 2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với di sản của ông Phạm Văn H chết để lại.

1.1 Bà Nguyễn Thị T được quyền sở hữu, sử dụng phần diện tích đất 195,20m^2, cấu trúc căn nhà chính loại III.1.b.1 và các phần cấu trúc khác gắn liền trên đất, tọa lạc tại số 176/15 MO, Khóm A, Phường B, thành phố BL, tỉnh Bạc Liêu.

Diện tích đất có vị trí như sau:

Hướng Đông giáp hẻm công cộng RO, có số đo 7,35m.

Hướng Tây giáp với đường hẻm công cộng MO, có số đo 1,89m + 5,21m.

Hướng Nam giáp với nhà đất của Trương Dịp T, có số đo 14,14m + 8,26m + 6,37m.

Hướng Bắc giáp với nhà đất của bà Nguyễn Hồng T, có số đo 3,5m + 14,21m + 8,95m.

(Theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 13 tháng 3 năm 2017 kèm bản vẽ ngày 28 tháng 4 năm 2017).

1.2 Bà Nguyễn Thị T có nghĩa vụ trả cho NLQ1, NLQ4, NLQ7 số tiền tương ứng với phần di sản mà mỗi người được nhận là 34.611.432 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, chi phí định giá tài sản; về án phí; lãi suất chậm trả trong giai đoạn thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định pháp luật.

Ngày 28 tháng 9 năm 2017 NLQ7 kháng cáo với nội dung: Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại bản án theo thủ tục phúc thẩm, hủy toàn bộ bản án sơ thẩm do vi phạm tố tụng. Lý do: Quá trình giải quyết Tòa án cấp sơ thẩm không tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng cho ông. Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T là người cao tuổi nhưng Tòa án cấp sơ thẩm chỉ căn cứ vào kết luận giám định tâm thần năm 2014 là không có căn cứ. Thời điểm xét xử sơ thẩm năm 2017 chưa xác định được bà T còn minh mẫn hay không. Việc định giá tài sản tranh chấp là quá thấp không phù hợp với giá thị trường, biên bản định giá không đưa ra giá cụ thể, tổng giá trị tài sản là bao nhiêu, giá trị tài sản thể hiện trong bản án là 761.451.520 đồng trong khi tính tổng cộng giá trị tài sản theo biên bản định giá là 757.223.320 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, NLQ7 vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của NLQ7 trình bày:

Quá trình giải quyết Tòa án cấp sơ thẩm không tống đạt giấy tờ cho NLQ7 đúng theo thủ tục tố tụng. Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T là người cao tuổi, Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào kết luận giám định tâm thần năm 2014 là không có căn cứ. Thời điểm xét xử sơ thẩm năm 2017 chưa xác định được bà T còn minh mẫn hay không. Việc định giá tài sản tranh chấp là quá thấp không phù hợp với giá thị trường, biên bản định giá không đưa ra giá cụ thể, tổng giá trị tài sản là bao nhiêu, giá trị tài sản thể hiện trong bản án là 761.451.520 đồng trong khi tính tổng cộng giá trị tài sản theo biên bản định giá là 757.223.320 đồng. Ngoài ra, Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố BL không có chức năng nhiệm vụ đo đạc tài sản

tranh chấp. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến ngày xét xử Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã tuân theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của NLQ7, giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 27/2017/DS-ST ngày 8 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố BL, tỉnh Bạc Liêu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời trình bày của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, ý kiến đề xuất của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận, nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về thủ tục tố tụng: NLQ7 xác định Tòa án cấp sơ thẩm không tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng cho ông, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông. Xét thấy, quá trình tố tụng tại cấp sơ thẩm Tòa án cấp sơ thẩm đã trực tiếp đến địa chỉ cư trú của NLQ7 tống đạt văn bản tố tụng nhưng do NLQ7 làm nghề tài xế xe nên thường xuyên vắng nhà, Tòa án cấp sơ thẩm đã niêm yết văn bản tố tụng đầy đủ cho NLQ7 theo quy định của pháp luật. Do đó, cấp phúc thẩm không chấp nhận lời trình bày này của NLQ7.

[3] Các đương sự đều thống nhất xác định bà Nguyễn Thị T và ông Phạm Văn H chung sống với nhau có 10 người con gồm NLQ1, NLQ2, NLQ3, bà Phạm Thị A, NLQ4, bà Phạm Thị H, NLQ5, NLQ6, NLQ7 và NLQ8. Trong quá trình chung sống, bà T và ông H tạo lập được tài sản chung là căn nhà và đất tọa lạc tại số 176/15 MO, Khóm A, Phường B, thành phố BL, tỉnh Bạc Liêu; phần đất qua đo đạc thực tế có diện tích 195,20m^2. Đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Ông H chết năm 2011 không để lại di chúc, bà T khởi kiện yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với di sản của ông H chết để lại. Bà T yêu cầu được nhận 1/2 giá trị di sản trên, 1/2 giá trị di sản còn lại chia thành 11 phần bằng nhau, trong đó bà được hưởng 07 phần gồm phần của bà và phần của bà A, bà H, NLQ2, NLQ3, NLQ5, NLQ6 đồng ý để lại cho bà T, bà T yêu cầu được nhận hiện vật và chia cho NLQ1, NLQ4 và NLQ7 mỗi người 01 phần. Đối với NLQ8 đã nhận của bà số tiền 110.000.000 đồng nên không đồng ý chia cho NLQ8 nữa.

[4] Hội đồng xét xử xét thấy: Năm 2011 ông H chết không để lại di chúc, tài sản mà ông H bà T tạo lập trong thời kỳ hôn nhân là tài sản chung vợ chồng nên bà T được hưởng 1/2 giá trị di sản. Mặc dù NLQ1, NLQ7, NLQ4 không đồng ý chia di sản của ông H chết để lại nhưng trong di sản này có 1/2 giá trị di sản của bà T

nên việc bà T yêu cầu chia tài sản của bà và ông H là có căn cứ theo quy định tại Điều 623 Bộ luật Dân sự năm 2015. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của bà T là có cơ sở. Bà T được hưởng 1/2 tài sản trong tổng số tài sản chung của bà và ông H, 1/2 tài sản còn lại sẽ được chia cho đồng thừa kế thứ nhất của ông H gồm 11 người thành 11 phần bằng nhau. Tại biên bản định giá tài sản ngày 13 tháng 3 năm 2017 (bút lục từ 122 đến 127) thể hiện tổng giá trị nhà và đất tranh chấp là 761.451.520 đồng, bà T sẽ được quyền sở hữu 1/2 giá trị tài sản là 761.451.520 đồng : 2 = 380.725.760 đồng, phần giá trị tài sản còn lại được chia 11 phần cho bà T và 10 người con của bà và ông H, mỗi người được hưởng giá trị tài sản là 380.725.760 đồng : 11 = 34.611.432 đồng. Bà A, bà H, NLQ2, NLQ3, NLQ5, NLQ6 đồng ý để lại cho bà T phần giá trị tài sản mà các ông bà được hưởng nên tổng giá trị tài sản bà T được hưởng là 380.725.760 đồng + (34.611.432 đồng x 6) = 588.394.352 đồng.

[5] Do bà T được nhận phần lớn giá trị tài sản và đã sử dụng ổn định nhà đất nên Tòa án cấp sơ thẩm giao nhà và đất cho bà T được quyền sở hữu, buộc bà T có nghĩa vụ giao lại cho NLQ1, NLQ4, NLQ7 số tiền 34.611.432 đồng là có cơ sở, đúng quy định pháp luật. Đối với NLQ8 ngày 22 tháng 10 năm 2014 có nhận của bà T số tiền 110.000.000 đồng thể hiện tại "*Giấy nhận tiền chia tài sản của cha mẹ*" (bút lục 79) được NLQ8 điểm chỉ và có sự chứng kiến của bà Trương Thị L, bà Phan Thanh T và các con bà T gồm NLQ2, NLQ6, bà H, bà A, NLQ4, NLQ5, NLQ3, số tiền này được đối trừ số tiền của giá trị di sản mà NLQ8 được nhận thì NLQ8 phải hoàn trả cho bà T là 110.000.000 đồng – 34.611.432 đồng = 75.388.568 đồng, tuy nhiên do bà T đồng ý cho NLQ8 phần tiền còn lại, đây là ý chí tự nguyện của bà T nên được Tòa án sơ thẩm ghi nhận, bà T không phải giao lại cho NLQ8 giá trị di sản mà NLQ8 được hưởng là có cơ sở và NLQ8 không kháng cáo.

[6] NLQ7 xác định tài sản gắn liền với đất là căn nhà trước có gác gỗ dầu là không đúng mà là gác bê tông. Tổng giá trị tài sản tranh chấp chưa phù hợp, thấp hơn giá thị trường, vì nhà và đất tranh chấp trên thị trường có giá 1.400.000.000 đồng. Tuy nhiên, tại biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản tranh chấp ngày 13 tháng 3 năm 2017 thể hiện nhà trước có gác gỗ dầu, tổng giá trị tài sản tranh chấp có giá là 761.451.520 đồng. Ngoài ra, khi Tòa án thành lập Hội đồng xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản tranh chấp đã kết hợp với Cơ quan chuyên môn gồm đại diện Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố BL, đại diện Phòng Tài chính – Kế hoạch thành phố BL, đại diện Phòng Quản lý đô thị thành phố BL, đại diện Ủy ban nhân dân Phường B, thành phố BL cùng các đương sự khác đồng chứng kiến và ký tên vào biên bản là đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại cấp phúc thẩm NLQ7 yêu cầu định giá lại tài sản tranh chấp và Tòa án cấp phúc thẩm đã thành lập Hội đồng định giá nhưng không tiến hành được do phía nguyên đơn và đồng bị đơn cùng cư trú tại nhà đất tranh chấp không hợp tác. Tại phiên tòa phúc thẩm NLQ7 và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của NLQ7 cho rằng giá trị tài sản tranh chấp thấp hơn giá thị trường nhưng không có chứng cứ chứng minh nên Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận.

[7] Tại phiên tòa NLQ7 còn cho rằng bà T mẹ ông là người cao tuổi chưa xác định còn minh mẫn hay không nhưng Tòa án không giám định tâm thần cho bà T, chỉ có chứng chỉ chuyên khoa tâm thần ngày 24 tháng 9 năm 2014 là không khách quan. Tại biên bản lấy lời khai ngày 22 tháng 11 năm 2017 (bút lục 416) thể hiện NLQ7 rất ít tiếp xúc với mẹ ông nhưng vì thấy mẹ ông cao tuổi nên nghĩ sẽ không minh mẫn. Hội đồng xét xử xét thấy, việc NLQ7 cho rằng mẹ ông đã cao tuổi nên không được minh mẫn nhưng ông không có chứng cứ chứng minh. Bên cạnh đó, trong quá trình làm việc cũng như tại phiên tòa sơ thẩm bà T vẫn minh mẫn sáng suốt, việc này cũng được đồng bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác xác nhận là bà T vẫn minh mẫn sáng suốt. Vì vậy, cấp phúc thẩm không có cơ sở chấp nhận lời trình bày của NLQ7 cùng người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông.

[8] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của NLQ7 cùng lời trình bày của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho NLQ7; Có căn cứ chấp nhận ý kiến đề xuất của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu, giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 27/2017/DS-ST ngày 8 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố BL, tỉnh Bạc Liêu.

[9] Chi phí xem xét, thẩm định thẩm định tại chỗ và định giá tài sản tranh chấp tại cấp phúc thẩm NLQ7 phải chịu 700.000 đồng, NLQ7 đã nộp xong.

[10] Án phí dân sự phúc thẩm NLQ7 phải chịu theo quy định pháp luật.

[11] Các phần khác của bản án dân sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 203 của Luật Đất đai năm 2013; các Điều 219, 633, 645, 674, 675, 675 và Điều 685 của Bộ luật Dân sự năm 2005; các Điều 623, 650, 651 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a và c khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 7 Điều 27 của Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27 tháng 02 năm 2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án và Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của NLQ7. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 27/2017/DS-ST ngày 8 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố BL, tỉnh Bạc Liêu.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T về việc yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với di sản của ông Phạm Văn H chết để lại.

2. Bà Nguyễn Thị T được quyền sở hữu, sử dụng phần diện tích đất 195,20m^2, cấu trúc căn nhà chính loại III.1.b.1 và các phần cấu trúc khác gắn liền trên đất, tọa lại tại số 176/15 MO, Khóm A, Phường B, thành phố BL, tỉnh Bạc Liêu, có vị trí và số đo như sau:

Hướng Đông giáp hẻm công cộng RO, có số đo 7,35m.

Hướng Tây giáp với đường hẻm công cộng MO, có số đo 1,89m + 5,21m.

Hướng Nam giáp với nhà đất của Trương Dịp T, có số đo 14,14m + 8,26m + 6,37m.

Hướng Bắc giáp với nhà đất của bà Nguyễn Hồng T, có số đo 3,5m + 14,21m + 8,95m.

(Theo biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 13 tháng 3 năm 2017 kèm bản vẽ ngày 28 tháng 4 năm 2017).

3. Bà Nguyễn Thị T có nghĩa vụ giao cho NLQ1, NLQ4, NLQ7 số tiền tương ứng với phần di sản mà mỗi người được nhận là 34.611.432 đồng *(Ba mươi bốn triệu, sáu trăm mười một nghìn, bốn trăm ba mươi hai đồng).*

4. Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản tranh chấp tại cấp sơ thẩm là 500.000 đồng, bà Nguyễn Thị T tự nguyện chịu toàn bộ, bà Nguyễn Thị T đã nộp xong.

Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản tranh chấp tại cấp phúc thẩm là 700.000 đồng NLQ7 phải chịu, NLQ7 đã nộp xong.

5. Về án phí:

5.1 Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Bà Nguyễn Thị T phải chịu 28.909.261 đồng. Bà Nguyễn Thị T đã nộp tạm ứng án phí số tiền 17.545.600 đồng theo biên lai số 0002191 ngày 07 tháng 11 năm 2016 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố BL, tỉnh Bạc Liêu được đối trừ, bà Nguyễn Thị T còn phải tiếp tục nộp số tiền 11.363.611 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố BL, tỉnh Bạc Liêu.

NLQ1, NLQ4 và NLQ7 mỗi người phải chịu 1.730.572 đồng, nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố BL, tỉnh Bạc Liêu.

5.2 Án phí dân sự phúc thẩm: NLQ7 phải chịu 300.000 đồng. NLQ7 đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu số 0007685 ngày 03 tháng 10 năm 2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố BL, tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí.

6. Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TANDCC tại TP. HCM;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- TAND thành phố BL;
- CCTHADS thành phố BL;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, Tổ HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Trương Thanh Dũng